Quỹ ETF IPAAM VN100

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Số/No:2023929 /TB- FUEIP100

Hà Nội 29/09/2023
As at 29-Sep-23

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company would like to announce the information after exchange trading:

1. Tên quỹ ETF/ *ETF name* : Quỹ ETF IPAAM VN100
2. Mã chứng khoán/ *Securities code* : **FUEIP100**
3. Tên CTQLQ/*Fund management Company:* Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A/ *I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company*
4. Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank* : Ngân hàng Vietcombank/ *Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam*
5. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date* : **28/09/2023**
6. Đơn vị tính/*Unit* : 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.*
7. Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ *Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:*

STT	**Mã chứng khoán**	**Số lượng**	**Tỷ lệ % trong danh mục**
No.	***Securities code***	***Quantity***	***Weight***
I.	***Chứng khoán/Stock***		
1	VPB	2,400	6.06%
2	FPT	500	5.67%
3	HPG	1,600	5.10%
4	TCB	1,200	4.71%
5	ACB	1,700	4.50%
6	STB	1,000	3.83%
7	MWG	600	3.75%
8	VNM	400	3.69%
9	MBB	1,500	3.34%
10	VIC	600	3.26%
11	VHM	600	3.26%
12	VCB	300	3.17%
13	MSN	300	2.74%
14	SSB	700	2.21%
15	SSI	500	1.99%
16	HDB	900	1.88%
17	SAB	200	1.78%
18	EIB	800	1.75%
19	SHB	1,200	1.60%
20	LPB	1,000	1.59%
21	VRE	500	1.57%
22	TPB	700	1.50%
23	CTG	400	1.49%
24	MSB	900	1.49%
25	VIB	600	1.41%
26	VND	500	1.31%
27	VJC	100	1.20%
28	KBC	300	1.18%
29	DGC	100	1.10%
30	GAS	100	1.07%
31	VCI	200	1.03%
32	FRT	100	1.02%
33	OCB	600	0.97%
34	PNJ	100	0.95%
35	VHC	100	0.93%
36	KDH	200	0.78%
37	KDC	100	0.77%
38	GMD	100	0.77%
39	REE	100	0.76%
40	GEX	300	0.74%
41	HSG	300	0.72%
42	DGW	100	0.69%
43	VPI	100	0.64%
44	DIG	200	0.61%
45	VIX	300	0.60%
46	PDR	200	0.56%
47	BID	100	0.53%
48	BVH	100	0.51%
49	DXG	200	0.46%
50	DPM	100	0.44%
51	PLX	100	0.44%
52	POW	300	0.42%

53	NLG	100	0.42%
54	DCM	100	0.39%
55	HCM	100	0.38%
56	PC1	100	0.37%
57	SBT	200	0.35%
58	HDG	100	0.34%
59	PVT	100	0.32%
60	PVD	100	0.30%
61	TCH	200	0.29%
62	VCG	100	0.29%
63	HAG	300	0.28%
64	DBC	100	0.27%
65	PAN	100	0.25%
66	BCG	200	0.24%
67	GVR	100	0.24%
68	NKG	100	0.24%
69	CII	100	0.23%
70	HHV	100	0.19%
II.	***Tiền/Cash (VND)***	***4,707,264***	

8. Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/
Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

- Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/*Value of component securities l* 831,005,000
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per ETF creation unit* : (VND) 835,712,264
- Giá trị chênh lệch/*Cash component* : (VND) 4,707,264

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the difference:*
- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/*For Creation Order*
Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.
- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/*For Redemption Order*
Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

9. Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ *In case, component securities can be replaced by cash (if any)*

STT	**Mã chứng khoán**	**Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu**	**Đối tượng áp dụng**	**Lý do**
No.	***Securities code***	***Substitution cash per share (VND)***	***Applied to***	***Reason***
1	ACB	22,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	44,400	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of
3	FPT	94,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	64,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	18,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	52,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	79,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	62,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	32,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	17,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	21,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	21,850	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

10. Các chỉ tiêu khác/ *Other citeria*

Chỉ tiêu/ Citerias	**Kỳ này/ This period (*)**	**Kỳ trước/ Last period (**)**	**Chênh lệch/ Changes**
	28/09/2023	27/09/2023	
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ Creations Units were redeemed	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Sha	5,700,000	5,700,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close price	8,500	8,590	(90)
5. Giá trị tài sản ròng/ Net Asset value			
Của quỹ ETF/ *of the fund*	47,635,599,063	46,780,407,820	855,191,243
Của 1 lô ETF/ *per creation unit*	835,712,264	820,708,909	15,003,355
Của một chứng chỉ quỹ/ *per share*	8,357.12	8,207.08	150.04
6. Chỉ số tham chiếu/ Benchmark Index	1,146.35	1,149.75	(3.40)

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 27/09/2023
Item 5 is asset value calculated as at 27-Sep-23
(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 26/09/2023
Item 5 is asset value calculated as at 26-Sep-23

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: https://ipaam.com.vn/vi/home/
This information was dixclose on Company/Funds Portal at: https://ipaam.com.vn/vi/home/

Đại diện tổ chức/*Organization Representative*
Người được ủy quyền công bố thông tin/*Persons Authorized to Disclose Information*
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)/ *(Signature, full name and seal - if any)*

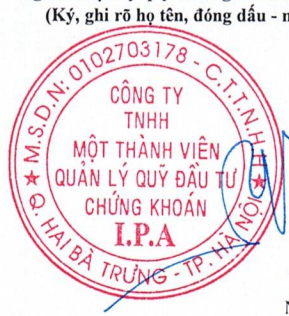

Tổng giám đốc
Nguyễn Hồ Nga

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A

Digitally signed by CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Quận Hai Bà Trưng, CN=CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102703178
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2023.09.29 11:09:38+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.1.0